



# **HAGL Group**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý I năm 2013

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 36



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 31 tháng 3 năm 2013

B01a-DN

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>10.059.794.377</b>	<b>9.489.203.945</b>
110	<i>I. Tiền</i>		<i>1.084.883.609</i>	<i>782.646.261</i>
111	1. Tiền	4	1.084.883.609	782.646.261
120	<i>II. Các khoản đầu tư ngắn hạn</i>		<i>81.783.240</i>	<i>81.783.240</i>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		<i>8.068.566.164</i>	<i>7.775.903.721</i>
131	1. Phải thu khách hàng	6	196.665.787	266.835.767
132	2. Trả trước cho người bán	7	122.726.144	107.568.998
135	3. Các khoản phải thu khác	8	7.749.187.302	7.402.120.175
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.069)	(621.219)
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>		<i>619.819.024</i>	<i>646.499.720</i>
141	1. Hàng tồn kho	9	619.819.024	646.499.720
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		<i>204.742.340</i>	<i>202.371.003</i>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		57.289.698	56.837.147
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		24.980.346	37.860.498
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	122.472.296	107.673.358
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>10.758.936.338</b>	<b>10.772.593.790</b>
220	<i>I. Tài sản cố định</i>		<i>642.796.152</i>	<i>640.604.526</i>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	357.585.226	345.739.629
222	Nguyên giá		440.782.036	429.242.966
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(83.196.810)	(83.503.337)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	94.498.241	94.672.684
228	Nguyên giá		97.119.811	97.119.811
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.621.570)	(2.447.127)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	190.712.685	200.192.213
250	<i>II. Các khoản đầu tư dài hạn</i>		<i>9.995.521.776</i>	<i>9.994.731.350</i>
252	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	9.697.731.228	9.697.066.228
258	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	12.500.000	12.500.000
259	3. Đầu tư dài hạn khác	15	285.290.548	285.165.122
260	<i>III. Tài sản dài hạn khác</i>		<i>120.618.410</i>	<i>137.257.914</i>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	120.150.850	136.460.631
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	329.723
268	3. Tài sản dài hạn khác		467.560	467.560
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>20.818.730.715</b>	<b>20.261.797.735</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 3 năm 2013

B01a-DN

Đơn vị: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>11.529.319.016</b>	<b>10.975.961.313</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.532.224.634</b>	<b>3.982.833.741</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	1.362.281.351	1.079.799.184
312	2. Phải trả người bán	18	135.318.748	207.047.462
313	3. Người mua trả tiền trước	19	484.530.488	289.313.258
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	16.738.632	38.671.150
315	5. Phải trả người lao động		8.516.711	6.663.713
316	6. Chi phí phải trả	21	534.071.085	367.970.286
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	22	1.937.719.510	1.939.686.048
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		53.048.109	53.682.640
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>6.997.094.382</b>	<b>6.993.127.572</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		7.557.706	7.592.007
334	2. Vay và nợ dài hạn	23	6.989.536.676	6.985.535.565
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>9.289.411.699</b>	<b>9.285.836.422</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	24	<b>9.289.411.699</b>	<b>9.285.836.422</b>
411	1. Vốn cổ phần		5.373.710.490	5.373.710.490
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.880.972.568	2.880.972.568
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.622.737	8.622.737
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		223.672.692	223.672.692
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		802.433.212	798.857.935
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>20.818.730.715</b>	<b>20.261.797.735</b>



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên  
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 5 năm 2013

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2013

B02a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	284.238.721	318.563.931	284.238.721	318.563.931
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(84.172)	(98.974)	(84.172)	(98.974)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	284.154.549	318.464.957	284.154.549	318.464.957
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(244.944.852)	(268.849.859)	(244.944.852)	(268.849.859)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.209.697	49.615.098	39.209.697	49.615.098
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	283.444.335	260.313.334	283.444.335	260.313.334
22	7. Chi phí tài chính	27	(282.057.134)	(242.998.955)	(282.057.134)	(242.998.955)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(263.798.062)	(224.842.019)	(263.798.062)	(224.842.019)
24	8. Chi phí bán hàng		(12.056.978)	(14.169.053)	(12.056.978)	(14.169.053)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(19.705.193)	(17.871.925)	(19.705.193)	(17.871.925)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		8.834.727	34.888.499	8.834.727	34.888.499
31	11. Thu nhập khác	28	3.270.300	6.104.631	3.270.300	6.104.631
32	12. Chi phí khác	28	(3.331.590)	(25.787.335)	(3.331.590)	(25.787.335)
40	13. Lỗ khác	28	(61.290)	(19.682.704)	(61.290)	(19.682.704)

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B02a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Lợi nhuận trước thuế		8.773.437	15.205.795	8.773.437	15.205.795
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(4.868.437)	(9.813.188)	(4.868.437)	(9.813.188)
52	16. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại		(329.723)	564.288	(329.723)	564.288
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		3.575.277	5.956.895	3.575.277	5.956.895



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên  
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 5 năm 2013

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2013

B03a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế		8.773.437	15.205.795
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		5.722.526	5.308.533
03	(Hoàn nhập) các khoản dự phòng		(608.150)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(282.836.424)	(259.935.191)
06	Chi phí lãi vay	27	263.798.062	224.842.019
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>( 5.150.549)</b>	<b>(14.578.844)</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		423.613.753	(378.453.364)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		26.680.696	(17.440.092)
11	Tăng các khoản phải trả		355.043.569	247.096.551
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		15.857.230	(3.916.201)
13	Tiền lãi vay đã trả		(86.862.072)	(60.205.387)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.654.645)	(130.408.397)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1.145.540
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(622.985)	(11.742.080)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>724.904.997</b>	<b>(368.502.274)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(8.522.063)	(28.331.813)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	4.305.577
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(556.626.700)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(665.000)	(953.873.906)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		145.037.836	123.657.116
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(420.775.927)</b>	<b>(854.243.026)</b>


# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2013

B03a-DN

Ngân VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		247.265.783	942.701.042
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(249.157.505)	(621.768.568)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.891.722)	320.932.474
50	Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		302.237.348	(901.812.826)
60	Tiền đầu kỳ		782.646.261	2.334.979.337
70	Tiền cuối kỳ	4	1.084.883.609	1.433.166.511

  
 Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên  
 Người lập

  
 Bà Hồ Thị Kim Chi  
 Kế toán trưởng

  
  
 Ông Nguyễn Văn Sự  
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 5 năm 2013



## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi (20) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty có 11 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 11 công ty con và 2 công ty liên kết) như được trình bày trong Thuyết minh số 14 của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 41 công ty con cấp bên dưới, trong đó, 2 công ty con đã được quyết định thanh lý.

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; trồng và kinh doanh cao su, mía đường và cọ dầu; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

## 2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1 Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") và được lập theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bằng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

### 2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ quý I năm 2013 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013.

## 2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Các báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Cần hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng cần hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành cần hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

### 3.4 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

**3.7 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cây và chi phí triển khai phần mềm tin học của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Vườn cây cao su*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su như chi phí khảo sát, điền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

##### *Chi phí triển khai phần mềm tin học*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc triển khai phần mềm tin học như chi phí bản quyền phần mềm, chi phí cài đặt và chi phí đào tạo.

#### 3.9 *Tài sản thuê*

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các nghiệp vụ thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian thuê.

#### 3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

#### 3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan phát hành trái phiếu, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.12 *Các khoản đầu tư*

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi dự phòng. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị hợp lý tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động.

#### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.16 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

##### ▶ Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ được trích lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v.

##### ▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### ▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn,
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

##### *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### *Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.18 Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Tiền gửi ngân hàng	1.081.338.637	780.985.450
Tiền mặt tại quỹ	3.455.338	1.587.335
Tiền đang chuyển	89.634	73.476
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.084.883.609</u></b>	<b><u>782.646.261</u></b>

## 5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 thể hiện giá trị ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba, thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

## 6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	72.704.559	149.481.784
Phải thu tiền bán căn hộ	89.915.838	87.355.528
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	34.045.390	29.998.455
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>196.665.787</u></b>	<b><u>266.835.767</u></b>

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	122.726.144	86.453.704
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị	-	21.115.294
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>122.726.144</u></b>	<b><u>107.568.998</u></b>



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	6 954.456 076	6.624.027.708
Cho vay ngắn hạn các công ty	574 853.888	583.716.823
Cho các công ty khác mượn	115 591 686	118.269.668
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	-	15.979.275
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	24 372.083	15.794 000
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	15.138.133	-
Các khoản khác	64.775.436	44.332.701
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.749.187.302</u></b>	<b><u>7.402.120.175</u></b>

## 9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	473 489 070	494 578.112
Thành phẩm	16.698.692	16 387.335
Hàng hóa	41.887.697	60.827.370
Sản phẩm dở dang	75.616.265	65.714 682
Trong đó:		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	44.486.319	61.683.174
<i>Sản xuất</i>	29 024.996	3.969.225
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	2.104.950	62.283
Nguyên vật liệu	515.110	578.765
Vật liệu xây dựng	10.653.645	7.216 926
Công cụ, dụng cụ	958.545	1.196.530
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>619.819.024</u></b>	<b><u>646.499.720</u></b>

## 10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Tạm ứng cho nhân viên	122 422.176	107.361.197
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	262.041
Các khoản kỳ quỹ ngắn hạn	50.120	50.120
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>122.472.296</u></b>	<b><u>107.673.358</u></b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VNĐ						
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vườn cây lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	312.353.074	43.907.356	56.567.388	7.025.413	6.698.345	2.691.390	429.242.966
Tăng trong kỳ	4.811.937	12.990.110	23.900	164.549	11.095	-	18.001.591
Giảm trong kỳ	-	(304.871)	(481.818)	-	-	-	(786.689)
Phân loại lại	(2.570.232)	7.192.235	(9.057.576)	(438.138)	-	(802.121)	(5.675.832)
Ngày 31 tháng 3 năm 2013	<b>314.594.779</b>	<b>63.784.830</b>	<b>47.051.894</b>	<b>6.751.824</b>	<b>6.709.440</b>	<b>1.889.269</b>	<b>440.782.036</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	(41.225.456)	(16.190.589)	(19.276.146)	(3.511.352)	(2.052.992)	(1.246.802)	(83.503.337)
Tăng trong kỳ	(2.348.424)	(1.357.232)	(1.301.445)	(247.684)	(240.403)	(52.895)	(5.548.083)
Giảm trong kỳ	-	79.393	99.385	-	-	-	178.778
Phân loại lại	6.582	(934.017)	5.904.352	559.782	139.133	-	5.675.832
Ngày 31 tháng 3 năm 2013	<b>(43.567.298)</b>	<b>(18.402.445)</b>	<b>(14.573.854)</b>	<b>(3.199.254)</b>	<b>(2.154.262)</b>	<b>(1.299.697)</b>	<b>(83.196.810)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>271.127.618</u>	<u>27.716.767</u>	<u>37.291.242</u>	<u>3.514.061</u>	<u>4.645.353</u>	<u>1.444.588</u>	<u>345.739.629</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2013	<b><u>271.027.481</u></b>	<b><u>45.382.385</u></b>	<b><u>32.478.040</u></b>	<b><u>3.552.570</u></b>	<b><u>4.555.178</u></b>	<b><u>589.572</u></b>	<b><u>357.585.226</u></b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	91.690.405	5.429.406	97.119.811
Tăng trong kỳ	-	-	-
Ngày 31 tháng 3 năm 2013	<u>91.690.405</u>	<u>5.429.406</u>	<u>97.119.811</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	-	(2.447.127)	(2.447.127)
Tăng trong kỳ	-	(174.443)	(174.443)
Ngày 31 tháng 3 năm 2013	-	<u>(2.621.570)</u>	<u>(2.621.570)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>91.690.405</u>	<u>2.982.279</u>	<u>94.672.684</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2013	<u>91.690.405</u>	<u>2.807.836</u>	<u>94.498.241</u>

## 13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và bản quyền phần mềm của hãng SAP	125.821.083	121.929.088
Nhà xưởng và vật kiến trúc	9.539.752	41.379.565
Chi phí trồng cây cao su	23.377.781	23.377.781
Các công trình xây dựng khác	31.974.069	13.505.779
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>190.712.685</b></u>	<u><b>200.192.213</b></u>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

### 14.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 3 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ
<b>Các Tổng Công ty con quản lý ngành</b>						
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp	Đang hoạt động	91,17	3.331.783.464	91,17	3.331.783.464
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	99,41	3.294.129.247	99,41	3.294.129.247
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	92,63	1.527.000.000	92,63	1.527.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Đang hoạt động	99,78	1.241.736.052	99,78	1.241.736.052
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Sản xuất	Đang hoạt động	78,95	100.986.248	78,95	100.986.248
<b>Các Công ty con đang trong giai đoạn tái cấu trúc</b>						
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	94.740.417	99,00	94.740.417
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	51,00	59.000.000
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	51,85	15.800.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty Cổ phần Quản lý Khách sạn và Bất động sản Hoàng Anh Gia Lai	Dịch vụ	Đang hoạt động	94,50	945.000	94,50	280.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>9.697.731.228</b>		<b>9.697.066.228</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

### 14.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

<i>Tên công ty liên kết</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2013</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	
		<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá gốc Ngân VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá gốc Ngân VND</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	25,00	7.500.000	25,00	7.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn, thiết kế	25,00	<u>5.000.000</u>	25,00	<u>5.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>12.500.000</u></b>		<b><u>12.500.000</u></b>



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Cho Chính phủ Lào vay (i)	186.596.994	186.471.568
Chi phí đất đai để phát triển Dự án Hải Châu	81.183.513	81.183.513
Đầu tư vào cổ phiếu thường	17.360.041	17.360.041
Các khoản đầu tư khác	150.000	150.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>285.290.548</b>	<b>285.165.122</b>

(i) Khoản cho Chính phủ Lào vay thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Chi tiết như sau:

	Đô la Mỹ
	Quý I năm 2013
Số nợ gốc đầu năm	8.958.949
Được hoàn trả tiền trong kỳ	-
<b>Số dư nợ gốc cuối kỳ</b>	<b>8.958.949</b>
<b>Số dư nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VNĐ)</b>	<b>186.596.994</b>

## 16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ
	Quý I năm 2013
Số dư đầu năm	136.460.631
Tăng trong kỳ	304.947
	136.765.578
Chi phí phân bổ trong kỳ	(16.614.728)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>120.150.850</b>

## 17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Vay ngắn hạn ngân hàng	458.847.182	439.957.713
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	288.375.000	-
Nợ vay dài hạn ngân hàng và trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 23)	615.059.169	639.841.471
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.362.281.351</b>	<b>1.079.799.184</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 18. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	130.486.601	165.303.247
Phải trả nhà thầu xây dựng	610.685	39.843.110
Phải trả người bán máy móc thiết bị	4.221.462	1.901.105
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>135.318.748</b>	<b>207.047.462</b>

## 19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Khách hàng thương mại trả tiền trước	233.410.421	51.161.165
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	172.775.656	152.775.656
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	78.344.411	85.376.437
<b>Tổng cộng</b>	<b>484.530.488</b>	<b>289.313.258</b>

## 20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.241.476	36.707.117
Thuế thu nhập cá nhân	948.014	1.080.516
Thuế giá trị gia tăng	415.272	479.545
Các khoản phải nộp khác	133.870	403.972
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.738.632</b>	<b>38.671.150</b>

## 21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí lãi vay	532.892.869	359.057.566
Các khoản khác	1.178.216	8.912.720
<b>Tổng cộng</b>	<b>534.071.085</b>	<b>367.970.286</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải trả các công ty con (Thuyết minh số 30)	1.915.412.110	1.907.735.410
Các khoản khác	22.307.400	31.950.638
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.937.719.510</b>	<b>1.939.686.048</b>

## 23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Trái phiếu thường trong nước	3.580.000.000	3.580.000.000
Trái phiếu chuyển đổi và hoán đổi	2.230.000.000	2.230.000.000
Trái phiếu thường quốc tế	1.524.712.945	1.520.711.335
Vay dài hạn ngân hàng	269.882.900	294.665.701
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.604.595.845</b>	<b>7.625.377.036</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay ngân hàng và trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 17)</i>	<i>615.059.169</i>	<i>639.841.471</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>6.989.536.676</i>	<i>6.985.535.565</i>



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 24.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

Ngàn VNĐ

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	5.373.710.490	2.880.972.568	8.622.737	223.672.692	798.857.935	9.285.836.422
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.575.277	3.575.277
<b>Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2013</b>	<b>5.373.710.490</b>	<b>2.880.972.568</b>	<b>8.622.737</b>	<b>223.672.692</b>	<b>802.433.212</b>	<b>9.289.411.699</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 24.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	537.371.049	537.371.049
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>537.371.049</i>	<i>537.371.049</i>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	537.371.049	537.371.049
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>537.371.049</i>	<i>537.371.049</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	537.371.049	537.371.049
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>537.371.049</i>	<i>537.371.049</i>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 25. DOANH THU

### 25.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Ngân VND			
	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>284.238.721</b>	<b>318.563.931</b>	<b>284.238.721</b>	<b>318.563.931</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	176.602.745	246.373.716	176.602.745	246.373.716
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	44.448.562	26.091.633	44.448.562	26.091.633
<i>Doanh thu căn hộ</i>	47.194.375	30.882.942	47.194.375	30.882.942
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	15.993.039	15.215.640	15.993.039	15.215.640
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(84.172)</b>	<b>(98.974)</b>	<b>(84.172)</b>	<b>(98.974)</b>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(84.172)	(98.974)	(84.172)	(98.974)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>284.154.549</b>	<b>318.464.957</b>	<b>284.154.549</b>	<b>318.464.957</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	176.602.745	246.373.716	176.602.745	246.373.716
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	44.448.562	26.091.633	44.448.562	26.091.633
<i>Doanh thu căn hộ</i>	47.194.375	30.882.942	47.194.375	30.882.942
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	15.908.867	15.116.666	15.908.867	15.116.666

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 25. DOANH THU (tiếp theo)

### 25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay các công ty con	268.612.537	209.256.495	268.612.537	209.256.495
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.831.798	50.678.696	14.831.798	50.678.696
Lãi chênh lệch tỷ giá hối	-	378.143	-	378.143
<b>Tổng cộng</b>	<b>283.444.335</b>	<b>260.313.334</b>	<b>283.444.335</b>	<b>260.313.334</b>

## 26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hoá	157.258.969	209.083.019	157.258.969	209.083.019
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	39.555.227	24.874.639	39.555.227	24.874.639
Giá vốn căn hộ	33.302.849	24.503.770	33.302.849	24.503.770
Giá vốn dịch vụ cung cấp	14.827.807	10.388.431	14.827.807	10.388.431
<b>Tổng cộng</b>	<b>244.944.852</b>	<b>268.849.859</b>	<b>244.944.852</b>	<b>268.849.859</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	263.798.062	224.842.019	263.798.062	224.842.019
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.857.825	-	1.857.825	-
Các khoản khác	16.401.247	18.156.936	16.401.247	18.156.936
<b>Tổng cộng</b>	<b>282.057.134</b>	<b>242.998.955</b>	<b>282.057.134</b>	<b>242.998.955</b>

## 28. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.270.300	6.104.631	3.270.300	6.104.631
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	612.410	4.112.179	612.410	4.112.179
Các khoản khác	2.657.890	1.992.452	2.657.890	1.992.452
<b>Chi phí khác</b>	<b>(3.331.590)</b>	<b>(25.787.335)</b>	<b>(3.331.590)</b>	<b>(25.787.335)</b>
Tiền phạt	(25.294)	(18.513.274)	(25.294)	(18.513.274)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(607.910)	(4.112.179)	(607.910)	(4.112.179)
Các khoản khác	(2.698.386)	(3.161.882)	(2.698.386)	(3.161.882)
<b>Lỗ thuần</b>	<b>(61.290)</b>	<b>(19.682.704)</b>	<b>(61.290)</b>	<b>(19.682.704)</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Quý I năm 2013</i>	<i>Quý I năm 2012</i>
Thuế TNDN hiện hành	4.868.437	9.813.188
Chi phí (lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	329.723	(564.288)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.198.160</u></b>	<b><u>9.248.900</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VNĐ	
	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
Lợi nhuận trước thuế	8.773.437	15.205.795
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán</b>		
Các khoản phạt	44.027	18.513.274
Lợi nhuận chưa thực hiện	(1.318.891)	-
Chi phí trích trước kỳ trước đã trả trong kỳ này	-	(7.764.654)
Khoản chi không có hoá đơn hợp lệ	-	13.127
Chi phí trích trước chưa được khấu trừ	3.394.857	13.285.209
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b>10.893.430</b>	<b>39.252.751</b>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính</b>	<b>2.723.359</b>	<b>9.813.188</b>
Trích thiếu chi phí thuế TNDN trong các kỳ trước	2.145.078	-
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b>4.868.437</b>	<b>9.813.188</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	36.707.117	190.509.238
Bổ sung do tính thiếu	-	1.575.549
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(3.654.645)	(130.408.397)
Thuế TNDN phải trả cần trừ với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo thông báo của cơ quan thuế	(22.679.433)	(4.987.233)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>15.241.476</b>	<b>66.502.345</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 29.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng		Thu nhập (chi phí) ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Năm nay	Năm trước
	Ngàn VNĐ			
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	329.723	(329.723)	-
Chi phí trích trước	-	-	-	564.288
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>329.723</b>	<b>(329.723)</b>	<b>564.288</b>

## 30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền	
			Ngàn VNĐ	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Cung cấp dịch vụ	15.985.925 483.000	
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	12.971.894	
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ Lãi cho vay	6.768.385 4.402.743	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	4.704.585	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	107.875.014	
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa	2.496.890	
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	45.463	
Công ty TNHH CRD	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	45.463	
Công ty Cổ phần mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Cung cấp dịch vụ	12.191.250 7.538	
Công ty TNHH mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	42.395.738	
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	4.499.403	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay Cung cấp dịch vụ Mua dịch vụ	166.442.000 588.000 350.005	
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	8.741.250	
Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Công ty con	Bán hàng hóa	4.573.908	



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số liên</i>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	336.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	3.453.038
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kontum	Công ty con	Bán hàng hóa	9.525.795
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Công ty con	Bán hàng hóa	172.977
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Bán hàng hóa và dịch vụ	32.957.500 422.423
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh – Thanh Hoá	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	157.710
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tona	Công ty con	Bán hàng hóa Lãi cho vay	3.045.669 2.466.667
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	5.865.902
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ Mua hàng hoá	995.667 714.196
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Gỗ	Công ty con	Bán hàng hóa Mua hàng hoá	132.915 9.202
Công ty Cổ phần Thể Thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ Mua hàng hoá và dịch vụ	233.283 3.281.795
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	50.255
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	694.800
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty con	Xây dựng	16.546.622

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau.

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	2.575.990
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	14.928.077
		Bán hàng hoá và dịch vụ	2.477.161
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	2.444.953
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	13.905.431
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	16.052.169
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	2.057.717
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh – Thanh Hóa	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	8.576.690
Công ty Cổ phần điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	8.909.519
Công ty TNHH An Tiến	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	5.235.712
		Phải thu hợp đồng xây dựng	3.025.246
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kontum	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	2.870.746
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	1.205.352
Công ty TNHH TM DV Trúc Thịnh	Bên liên quan	Bán hàng hoá và dịch vụ	4.173.740
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	3.615.781
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>92.054.284</u></b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<b>Các khoản phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	576.805.101
Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh - Quang Minh - Chi nhánh gỗ	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	18.791.500
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	153.111.743
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	6.988.435
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	1.557.039
		Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	257.994
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	325.732.549
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	4.735.483
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	1.065.703.433
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh – Thanh Hóa	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	6.827.400
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tona	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	21.243.950
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	18.456.294
Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	4.347.161.827
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	254.535.845
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty con	Cho vay mượn	2.972.755
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ chi phí	47.832.457
		Cho vay mượn	34.748.245
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	41.551
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay mượn	28.111.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	34.247.789
Công ty CP Hoàng Anh Gia Định	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	2.500.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.093.686
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>6.954.456.076</u></b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2013

B09a-DN

## 30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<b><i>Phải trả người bán</i></b>			
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	808.520
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh – Thanh Hóa	Công ty con	Mua hàng hóa	4.408.660
Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Công ty con	Mua hàng hóa	1.181.949
Công ty TNHH MTV Hoàng Thơ	Công ty con	Mua hàng hóa	4.819.460
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty con	Mua hàng hóa	3.147.460
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	539.187
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>14.905.236</u></b>
<b><i>Phải trả khác</i></b>			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Hoán đổi cổ phiếu	892.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	19.914.997
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tona	Công ty con	Chi hộ	35.101.400
Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Cho mượn tiền	210.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tiền	566.389.596
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tiền	181.609.813
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi hộ	6.093.450
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	494.488
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>1.915.412.110</u></b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau (tiếp theo):

			Ngân VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<b><i>Người mua trả tiền trước</i></b>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	23.686.441
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	35.529.429
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	35.294.799
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	29.832.409
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	56.176.522
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	14.096.517
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	8.120.813
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tona	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	22.659.818
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tona	Công ty con	Nhận ứng trước tiền xây dựng	35.000.000
Công ty Cổ phần điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận ứng trước tiền xây dựng	137.775.656
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	203.000
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>398.375.404</u></b>
<b><i>Trả trước cho người bán</i></b>			
Công ty cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước tiền hàng	500.000

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN

## 31. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

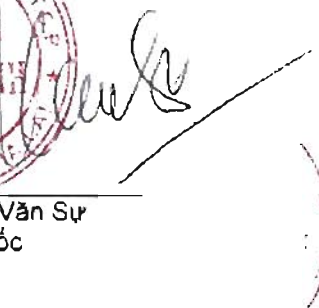
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyền  
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 5 năm 2013